|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 02/2022/NQ-HĐND | *Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

QUY ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*177/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx)*ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số*[*149/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-149-2016-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-306857.aspx)*ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*177/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx)*ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số*[*163/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-163-2016-nd-cp-huong-dan-luat-ngan-sach-nha-nuoc-335331.aspx)*ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số*[*60/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-60-2021-nd-cp-co-che-tu-chu-tai-chinh-cua-don-vi-su-nghiep-cong-lap-478766.aspx)*ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số*[*02/2022/TT-BYT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-02-2022-tt-byt-gia-dich-vu-xet-nghiem-sars-cov-2-503808.aspx)*ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Xét Tờ trình số 1695/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương *(chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)*.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tự chi trả chi phí.

**Điều 2. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2**

1. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo của Nghị quyết này.

2. Các nội dung khác liên quan đến giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số [02/2022/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-02-2022-tt-byt-gia-dich-vu-xet-nghiem-sars-cov-2-503808.aspx) ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTV Quốc hội; Chính phủ; - Ban Công tác đại biểu - UBTVQH; - Các Bộ: Y tế, Tài chính; - Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; - UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh; - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Các Ban Đảng Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh; - Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh; - VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh; - Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh; - HĐND, UBND các huyện, thành phố; - Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh; - Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh; - Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ; - Lưu: VT, CTHĐ, HC-TC-QT, HSKH. | **CHỦ TỊCH     Lưu Văn Trung** |

**PHỤ LỤC**

MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

*ĐVT: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Danh mục dịch vụ** | **Mức giá**  *(chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)* |
| A | B | 1 |
| **I** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh** | **11.200** |
| **II** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động** | **30.800** |
| **III** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn gồm:** | **212.700** |
| 1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 45.400 |
| 2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 167.300 |
| **IV** | **Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp** |  |
| **1** | **Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)** | **78.800** |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 24.100 |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 54.700 |
| **2** | **Trường hợp gộp 6 - 10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)** | **62.500** |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 23.300 |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 39.200 |
| **3** | **Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm** | **112.500** |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 48.400 |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 64.100 |
| **4** | **Trường hợp gộp 6 - 10 mẫu tại phòng xét nghiệm** | **97.200** |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 49.200 |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 48.000 |